

NHU CẦU THAM VẤN HỌC ĐƯỜNG CỦA HỌC SINH TRUNG HỌC

THE NEED FOR SCHOOL COUNSELLING OF HIGH SCHOOL STUDENTS

ĐINH THỊ HỒNG VÂN^(*), VŨ ĐÌNH BẢY^(**), PHAN THỊ QUỲNH TRANG^(***)^(*)Trường Đại học Sư phạm – Đại học Huế, ^(**)Trường Cán bộ Quản lý giáo dục Thành phố Hồ Chí Minh, vdbay@iemh.edu.vn ^(***)Trường Trung học Cơ sở Thành Cổ, Quảng Trị

THÔNG TIN	TÓM TẮT
<p>Ngày nhận: 17/9/2019 Ngày nhận lại: 18/9/2019 Duyệt đăng: 26/11/2019 Mã số: TCKH-S03T09-B24-2019 ISSN: 2354 – 0788</p> <p>Từ khóa: tham vấn học đường, học sinh trung học, học tập, hướng nghiệp, phát triển cá nhân và liên nhân cách, sức khỏe tâm thần.</p> <p>Key words: school counselling, high school students, learning, career guidance, personal and interpersonal development, mental health.</p>	<p><i>Học sinh trung học phổ thông có nhu cầu tham vấn về lĩnh vực hướng nghiệp cao hơn so với học sinh trung học cơ sở; trái lại, học sinh trung học cơ sở lại có nhu cầu tham vấn sức khỏe tâm thần cao hơn so với học sinh trung học phổ thông. Học sinh ở thành thị có nhu cầu tham vấn về học tập và phát triển cá nhân và liên nhân cách cao hơn so với học sinh ngoại ô. Dựa trên kết quả khảo sát này, nghiên cứu đã kiến nghị một số đề xuất để nâng cao hiệu quả hoạt động tham vấn học đường ở các trường trung học.</i></p> <p>ABSTRACTS</p> <p><i>High school students had a higher counselling need on career guidance than secondary school students; On the contrary, secondary school students had a higher counselling need on mental health than high school students. Urban students have a higher counselling need on academic and personal and interpersonal development than rural students. Based on the results of this survey, the study proposes several recommendations to improve the effectiveness of counselling in high schools.</i></p>

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Lứa tuổi học sinh trung học (thuộc giai đoạn tuổi vị thành niên) là lứa tuổi nảy sinh nhiều vấn đề tâm lý nhất. Theo Kieling và các cộng sự (2011), từ 10% đến 20% trẻ em và vị thành niên từng trải qua các vấn đề tâm lý xã hội (Kieling và cộng sự, 2011). Tỷ lệ tự tử đang gia tăng; thanh thiếu niên đang là nhóm có nguy cơ tự tử cao nhất ở một phần ba tổng số các quốc gia phát triển và đang phát triển

(WHO, 2007). Ở Việt Nam, kết quả khảo sát của Đặng Hoàng Minh, Bahr Weiss và Nguyễn Cao Minh (2013) trên 1314 cha mẹ của trẻ từ 6-16 tuổi và 591 vị thành niên từ 12-16 tuổi với các công cụ là CBCL/YSR (đánh giá các vấn đề về hành vi và cảm xúc) và SDQ (Bảng hỏi điểm mạnh và điểm yếu) cho thấy theo báo cáo của cha mẹ, tỉ lệ trẻ em từ 6-16 tuổi có vấn đề về sức khỏe tâm thần theo SDQ là 13,2%, còn theo CBCL là 11,9%. Theo tự báo cáo của trẻ

vị thành niên, tỉ lệ trẻ có vấn đề về sức khoẻ tâm thần theo SDQ là 10,7% và theo YSR là 12,4%. Nếu không được chữa trị, các rối loạn tâm lý sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng đến sự phát triển, học tập và tiềm năng sống lành mạnh và có ích cho xã hội của học sinh.

Trước thực trạng các vấn đề sức khoẻ tâm thần ngày càng tăng cao, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ra thông tư số 31/2017/TT/BGDĐT về hướng dẫn thực hiện công tác tư vấn tâm lý cho học sinh ở trong trường phổ thông. Trong thông tư đã quy định rõ mục đích, nguyên tắc, nội dung, hình thức thực hiện; các lực lượng tham gia công tác này cũng như điều kiện cơ sở vật chất, kinh phí và trách nhiệm của các bên liên quan... Để triển khai hiệu quả công tác tư vấn tâm lý cho học sinh nói chung và tham vấn học đường nói riêng, cần thiết tìm hiểu nhu cầu tham vấn học đường của học sinh trung học trên nhiều bình diện như độ tuổi, địa bàn cư trú...; trên cơ sở đó đưa ra mô hình tham vấn học đường phù hợp. Xuất phát từ lý do trên, nghiên cứu *“nhu cầu tham vấn học đường của học sinh trung học”* đã được tiến hành và nhằm trả lời các câu hỏi: 1) Hiện nay, nhu cầu tham vấn học đường của học sinh trung học như thế nào?; 2) Có sự khác biệt về nhu cầu tham vấn học đường của học sinh trung học theo độ tuổi và nơi cư trú không?

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Khách thể nghiên cứu: Nghiên cứu tiến hành khảo sát trên 1382 học sinh trung học, trong đó học sinh trung học cơ sở chiếm 30,9% (gồm học sinh lớp 8 và 9), học sinh trung học phổ thông chiếm 69,1% (gồm học sinh lớp 10, 11 và 12). Tỉ lệ học sinh nam và nữ xấp xỉ nhau (nam: 49,9%; nữ: 50,1%). Học sinh trung học đến từ Quảng Trị chiếm 50,1%; còn học sinh trung học đến từ thành phố Hồ Chí Minh chiếm 49,9%. Học sinh ở vùng ngoại ô chiếm 53,5%; còn thành thị chiếm 46,5%.

Công cụ đo lường: Dựa trên bảng khảo sát nhu cầu tham vấn học đường của học sinh bang

Florida (2001) của Mỹ, bảng hỏi nhu cầu tham vấn học đường đã được xây dựng. Bảng hỏi gồm 24 nội dung nhằm đánh giá 4 lĩnh vực tham vấn: học tập, hướng nghiệp, phát triển cá nhân và liên nhân cách và sức khoẻ tâm thần. Lĩnh vực học tập gồm 5 nội dung; đề cập đến nhu cầu cần trợ giúp để giúp học sinh học tập tốt như xác định điểm mạnh, điểm hạn chế trong cách học, cách xác lập mục tiêu, kỹ năng học tập, kỹ năng quản lý thời gian, cách tạo hứng thú học (Ví dụ: Em cần được giúp đỡ để phát triển các kỹ năng học tập hiệu quả). Lĩnh vực hướng nghiệp gồm 6 nội dung; đề cập đến các nhu cầu cần trợ giúp để học sinh có thể lựa chọn nghề nghiệp phù hợp với khả năng, hứng thú của cá nhân đồng thời đáp ứng nhu cầu nhân lực ở các lĩnh vực nghề nghiệp trong xã hội (Ví dụ: Em cần được giúp đỡ để hiểu bản thân (sở thích, khả năng...) phù hợp với nghề nghiệp nào). Lĩnh vực phát triển cá nhân và liên nhân cách gồm 9 nội dung; đề cập đến các nhu cầu cần trợ giúp để học sinh hiểu rõ hơn những đặc điểm phát triển của mình, biết ứng xử với chính mình và những kỹ năng để giúp học sinh thiết lập các mối quan hệ tốt đẹp với người khác (Ví dụ: Em cần được giúp đỡ để phát triển kỹ năng quản lý xung đột). Lĩnh vực sức khoẻ tâm thần gồm 4 nội dung; đề cập đến các nhu cầu trợ giúp trong phòng ngừa, hỗ trợ vượt qua những rối loạn cảm xúc và hành vi (Ví dụ: Em cần được giúp đỡ để giảm thiểu và chấm dứt các hành vi gây nghiện). Mỗi nội dung có 4 phương án trả lời: 1. Không đồng ý; 2. Nghiêng về không đồng ý; 3. Nghiêng về đồng ý; 4. Đồng ý.

Độ tin cậy của thang đo: Hệ số Cronbach'Alpha của bảng hỏi này là 0,899. Hệ số tương quan giữa từng nội dung với tổng thể đều lớn hơn 0,30; mỗi nội dung nếu bỏ đi đều khiến cho hệ số Cronbach'Alpha của bảng hỏi bị giảm. Như vậy, bảng hỏi này có độ tin cậy tốt (Nguyễn Công Khanh, 2004), có thể thu

thập thông tin về vấn đề nghiên cứu một cách khách quan.

Độ hiệu lực của thang đo: Một thang đo có nhiều độ hiệu lực: hiệu lực trực diện (bề mặt), hiệu lực nội dung, hiệu lực cấu trúc, hiệu

lực tiêu chuẩn, độ hiệu lực phân biệt... (Phan Thị Mai Hương, 2013). Trong nghiên cứu này, chúng tôi đánh giá độ hiệu lực nội dung của thang đo.

Bảng 1. Hệ số tương quan giữa các lĩnh vực cần tham vấn

	Học tập	Hướng nghiệp	Phát triển cá nhân và liên nhân cách	Sức khỏe tâm thần	Chung
Học tập	1				
Hướng nghiệp	0,56**	1			
Phát triển cá nhân và liên nhân cách	0,51**	0,56**	1		
Sức khỏe tâm thần	0,39**	0,38**	0,58**	1	
Chung	0,75**	0,77**	0,84**	0,79**	1

Ghi chú: **: $p < 0,01$

Độ hiệu lực nội dung của thang đo thể hiện nội dung của thang đo có phù hợp để đo đặc tính cụ thể mà thang đo hướng tới thiết kế không (Phan Thị Mai Hương, 2013). Kết quả tương quan ở Bảng 1 cho thấy các lĩnh vực cần tham vấn đều có mối quan hệ với nhau, hệ số tương quan r đều nhỏ hơn 0,8, đảm bảo nội hàm của các thành tố cần đo không chồng chéo lên nhau. Hơn nữa các lĩnh vực này đều có mối quan hệ chặt chẽ với tổng thang đo; điều này chứng tỏ các thành tố đều phản ánh rõ nội hàm của nhu cầu tham vấn của lứa tuổi học sinh trung học. Các phân tích thống kê dữ liệu: Thống kê mô tả: điểm trung bình và độ lệch chuẩn nhằm mô tả nhu cầu tham vấn học đường của học sinh trung học; Thống kê suy luận: Phân tích tương quan nhằm làm rõ mối quan hệ giữa các lĩnh vực cần tham vấn; phân tích so sánh nhằm kiểm định sự khác biệt nhu cầu tham vấn học đường theo độ tuổi và tính chất nơi cư trú. Ngoài ra, chỉ số Cronbach'Alpha được sử dụng để đánh giá độ tin cậy của thang đo.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Đánh giá chung về nhu cầu tham vấn học đường của học sinh trung học

Dữ liệu ở Bảng 2 cho thấy học sinh trung học có nhu cầu tham vấn cao ở các lĩnh vực: học tập, hướng nghiệp, phát triển cá nhân và liên nhân cách, sức khỏe tâm thần. Các lĩnh vực đều được đánh giá ở khoảng điểm “phần lớn đồng ý” và “hoàn toàn đồng ý”. So với nghiên cứu của Đinh Thị Hồng Vân (2013) trên địa bàn học sinh trung học phổ thông thành phố Huế vào năm 2013 thì nhu cầu tham vấn của học sinh trung học trong nghiên cứu này có mức độ cao hơn. Điều đó phản ánh nhu cầu cấp thiết cần thành lập các phòng tham vấn học đường trong các trường học.

Bảng 2. Nhu cầu tham vấn học đường của học sinh trung học

Lĩnh vực cần tham vấn	ĐTB	ĐLC
1. Học tập	3,47	0,54
2. Hướng nghiệp	3,38	0,57
3. Phát triển cá nhân và liên nhân cách	3,25	0,61
4. Sức khỏe tâm thần	3,06	0,78
Chung	3,29	0,49

Ghi chú: ĐTB: Điểm trung bình ($1 \leq \text{ĐTB} \leq 4$),

ĐLC: Độ lệch chuẩn

Trong các lĩnh vực cần tham vấn, học tập được đánh giá là lĩnh vực có nhu cầu tham vấn cao nhất. Kết quả nghiên cứu này khá thống nhất với nghiên cứu của Lê Quang Sơn, Hồ Thanh Thủy (2014) trên đối tượng học sinh trung học phổ thông thành phố Đà Nẵng.

Đối với học sinh trung học, học tập là được xem là hoạt động chính yếu. Đây là hoạt động chiếm nhiều thời gian và tâm trí của học sinh nhất. So với lứa tuổi tiểu học, hoạt động học tập ở lứa tuổi học sinh trung học có nhiều điểm khác biệt: hệ thống các môn học gắn với các khoa học cơ bản hơn; nội dung nhiều và phức tạp, trừu tượng hơn; sự đa dạng về giáo viên giảng dạy; hoạt động học tập gắn liền với hoạt động hướng nghiệp vì vậy các áp lực trong học tập nặng nề hơn... (Lê Văn Hồng, Lê Ngọc Lan, Nguyễn Văn Thành, 1999). Những sự khác biệt này đã khiến học sinh gặp không ít khó khăn. Chính vì vậy, để nâng cao thành tích học tập, học sinh mong muốn được tham vấn về việc xác định những điểm mạnh và điểm hạn

chế trong cách học của mình, cách xác lập được các mục tiêu học tập phù hợp và lập kế hoạch để đạt được chúng, phát triển các kỹ năng học tập và quản lý thời gian hiệu quả, có hứng thú trong học tập hơn.

3.2. Nhu cầu tham vấn học đường của học sinh trung học theo độ tuổi

Học sinh trung học bao gồm học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông. Mỗi lứa tuổi đều có những đặc trưng tâm sinh lý riêng và những khó khăn đặc thù. Điều này có thể dẫn đến sự khác biệt về nhu cầu tham vấn học đường của học sinh. Kết quả kiểm định t-test ở Bảng 3 cho thấy có sự khác biệt về nhu cầu tham vấn học đường giữa học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông ở một số lĩnh vực. Học sinh trung học phổ thông có nhu cầu tham vấn về lĩnh vực hướng nghiệp cao hơn so với học sinh trung học cơ sở; trái lại, học sinh trung học cơ sở lại có nhu cầu tham vấn sức khỏe tâm thần cao hơn so với học sinh trung học phổ thông.

Bảng 3. Nhu cầu tham vấn học đường của học sinh trung học theo độ tuổi

Lĩnh vực cần tham vấn	Trung học cơ sở		Trung học phổ thông		df	t
	ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC		
Học tập	3,44	0,52	3,48	0,55	1380	1,37
Hướng nghiệp	3,34	0,55	3,40	0,58	1380	2,92*
Phát triển cá nhân và liên nhân cách	3,25	0,58	3,25	0,62	1380	0,09
Sức khỏe tâm thần	3,17	0,67	3,02	0,82	1379	3,76***
Chung	3,30	0,45	3,29	0,51	1379	0,45

Ghi chú: *: 0,05; ***: $p < 0,001$

Đặc trưng cơ bản của sự phát triển tâm sinh lý lứa tuổi học sinh trung học cơ sở là sự phát triển mạnh mẽ nhưng không cân đối, đồng đều về mặt cơ thể, cùng với đó là hiện tượng dậy thì. Quá trình hưng phấn mạnh hơn ức chế khiến các em khó kiểm soát các hành vi cũng như cảm xúc của mình (Lê Văn Hồng, Lê Ngọc Lan, Nguyễn Văn Thành, 1999). Các rối loạn cảm xúc và hành vi thường gia tăng ở lứa tuổi

này. Đây có thể là nguyên nhân khiến học sinh trung học cơ sở có nhu cầu tham vấn về sức khỏe tâm thần cao hơn lứa tuổi học sinh trung học phổ thông. Ở lứa tuổi học sinh trung học phổ thông, hướng nghiệp được xem là hoạt động chủ đạo (Lê Văn Hồng, Lê Ngọc Lan, Nguyễn Văn Thành, 1999). So với lứa tuổi học sinh trung học cơ sở, hoạt động hướng nghiệp ở lứa tuổi này trở nên cấp thiết hơn. Sau kỳ thi tốt

ng nghiệp trung học phổ thông quốc gia, các em sẽ quyết định ngành nghề mình sẽ theo học. Sự lựa chọn nghề nghiệp của các em ảnh hưởng lớn đến tương lai sau này. Nếu nghề nghiệp phù hợp với khả năng, hứng thú của các em cũng như nhu cầu của thị trường lao động thì các em sẽ phát huy được năng lực của bản thân và có những đóng góp hữu ích cho xã hội. Trong bối cảnh hiện nay, khi vấn đề thất nghiệp ngày càng nhiều ở giới trẻ (Bộ Lao động Thương binh và Xã hội và Tổng cục Thống kê, 2018), không ít học sinh trung học phổ thông lo lắng, băn khoăn về nghề nghiệp tương lai của mình. Điều này đã dẫn đến học sinh trung học

phổ thông có nhu cầu tham vấn về hướng nghiệp cao hơn học sinh trung học cơ sở để mong muốn sự lựa chọn nghề nghiệp đúng đắn.

3.3. Nhu cầu tham vấn học đường của học sinh trung học theo nơi cư trú

Nơi cư trú là nơi ở thường xuyên, ổn định của con người trong một thời gian dài. Nơi cư trú của học sinh trung học trong nghiên cứu này được chia thành 02 nhóm: 1) ngoại ô và 2) thành phố. Mỗi nơi cư trú đều có những đặc điểm kinh tế, văn hóa - xã hội và môi trường giáo dục khác nhau. Những học sinh có nơi cư trú khác nhau có thể có nhu cầu tham vấn khác nhau.

Bảng 4. Nhu cầu tham vấn học đường của học sinh trung học theo khu vực cư trú

Lĩnh vực cần tham vấn	Ngoại ô		Thành thị		df	t
	ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC		
1. Học tập	3,44	0,50	3,50	0,58	1380	2,13*
2. Hướng nghiệp	3,36	0,54	3,40	0,61	1380	1,29
3. Phát triển cá nhân và liên nhân cách	3,20	0,57	3,30	0,65	1380	2,75**
4. Sức khoẻ tâm thần	3,07	0,69	3,06	0,87	1379	0,31
Chung	3,27	0,44	3,31	0,55	1379	1,67

Ghi chú: *: $p < 0,05$; **: $p < 0,01$

Học sinh ở thành thị có nhu cầu tham vấn về học tập và phát triển cá nhân và liên nhân cách cao hơn một cách có ý nghĩa thống kê so với học sinh ngoại ô. Các mục tiêu thành tích về chất lượng mũi nhọn, tỉ lệ tốt nghiệp cấp học cũng như đỗ đại học ở các trường thành phố thường cao hơn nông thôn. Theo đó, nhà trường và gia đình thường tạo những áp lực học tập cho học sinh hơn. Nghiên cứu của Đinh Thị Hồng Vân, Nguyễn Phước Cát Tường (2010) và Trần Văn Hiếu, Nguyễn Phước Cát Tường, Đinh Thị Hồng Vân (2014) trên nhóm học sinh lớp 12 ở thành phố cho thấy các em chịu khá nhiều áp lực trong học tập. Đây có thể là những lý do cơ bản khiến học sinh thành thị mong muốn được tham vấn về cách học, kỹ năng học tập... để có thành tích học tập cao. So với học

sinh ở vùng ngoại ô, học sinh ở vùng thành thị có điều kiện học các lớp kỹ năng sống liên quan đến phát triển cá nhân và liên nhân cách. Tuy nhiên, không phải vì thế mà nhu cầu được tham vấn để phát triển cá nhân và liên nhân cách của học sinh thành thị lại thấp hơn ngoại ô, mà trái lại cao hơn. Điều này có thể lý giải càng tham gia vào hoạt động giáo dục những kỹ năng này, học sinh càng nhận thấy sự hạn chế về các kỹ năng phát triển bản thân cũng như thiết lập và xây dựng các mối quan hệ. Chính vì vậy, các em có nhu cầu tham vấn cao về lĩnh vực này.

4. KẾT LUẬN VÀ ĐỀ XUẤT

Kết quả khảo sát đã cho thấy học sinh trung học có nhu cầu tham vấn học đường cao, trong đó học tập là lĩnh vực các em cần tham

vấn nhiều nhất. Học sinh trung học phổ thông có nhu cầu tham vấn về lĩnh vực hướng nghiệp cao hơn so với học sinh trung học cơ sở; trái lại, học sinh trung học cơ sở lại có nhu cầu tham vấn sức khỏe tâm thần cao hơn so với học sinh trung học phổ thông. Học sinh ở thành thị có nhu cầu tham vấn về học tập và phát triển cá nhân và liên nhân cách cao hơn so với học sinh ngoại ô. Nhóm tác giả đề xuất một số kiến nghị

sau để đáp ứng nhu cầu tham vấn học đường của các em: Cần thành lập các văn phòng tham vấn học đường trong nhà trường phổ thông; Cần khảo sát nhu cầu tham vấn học đường của học sinh hàng năm để nắm bắt rõ nguyện vọng, xu hướng mong muốn được trợ giúp của các em; Việc tổ chức hoạt động tham vấn học đường cần dựa trên những đặc trưng về nhu cầu tham vấn theo độ tuổi và nơi cư trú.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2017), *Thông tư số 31/2017/TT-BGDĐT về hướng dẫn công tác tư vấn tâm lý cho học sinh trong trường phổ thông*.
2. Bộ Lao động Thương binh và Xã hội và Tổng cục Thống kê (2018), *Bản tin cập nhật thị trường lao động việt nam*, số 18, quý 2.
3. Florida Department of Education (2001), *Florida's School Counseling and Guidance Framework: A Comprehensive Student Development Program Model*.
4. Kaljee, L.M. et al. (2011), Gender, Alcohol Consumption Patterns, and Engagement in Sexually Intimate Behaviors among Adolescents and Young Adults in Nha Trang, Viet Nam. *Youth & Society*.
5. Nguyễn Công Khanh (2004), *Đánh giá và đo lường trong Khoa học Xã hội*. Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
6. Trần Văn Hiếu, Nguyễn Phước Cát Tường, Đinh Thị Hồng Vân (2014), Mối quan hệ giữa kỹ năng quản lý thời gian và stress trong học tập của học sinh lớp 12. *Kỷ yếu Hội thảo Tâm lý học đường lần thứ IV*. Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.
7. Lê Văn Hồng, Lê Ngọc Lan, Nguyễn Văn Thành (1999), *Tâm lý học lứa tuổi và Tâm lý học sư phạm*. Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.
8. Phan Thị Mai Hương (2013), *Phương pháp nghiên cứu trong Tâm lý học*. Nxb. Khoa học Xã hội.
9. Đặng Hoàng Minh, Bahr Weiss, Nguyễn Cao Minh (2013), *Sức khỏe tâm thần trẻ em Việt Nam: Thực trạng và các yếu tố nguy cơ*, Trường Đại học Giáo dục, Đại học Quốc gia Hà Nội.
10. Lê Quang Sơn, Hồ Thanh Thủy (2014), Đặc điểm nhu cầu tham vấn tâm lý của học sinh trung học phổ thông, *Kỷ yếu Hội thảo Tâm lý học đường lần thứ IV*. Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.
11. Đinh Thị Hồng Vân, Nguyễn Phước Cát Tường (2010), Mức độ stress của học sinh khối 12, trường trung học phổ thông Quốc học, thành phố Huế. *Tạp chí Khoa học và Giáo dục, Trường Đại học Sư phạm – Đại học Huế* số 02 (14).
12. Đinh Thị Hồng Vân (2013), *Nhu cầu tham vấn tâm lý của học sinh trung học phổ thông thành phố Huế*. Báo cáo tổng kết đề tài Khoa học và Công nghệ cấp Đại học Huế, Mã số: DHH2011-03-16, Trường Đại học Sư phạm – Đại học Huế.
13. WHO (2007), *Helping youth overcome mental health problems*. Geneva: World Health Organization.